TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 96/2019/DS-PT Ngày: 05/4/2019 V/v tranh chấp: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hằng

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần M Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 3 và ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 135/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Kim Đ1, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T

- *Bị đơn:* Bùi Thị Hồng T, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cao Thị Đ2, sinh năm 1950; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Phạm Kim Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn – anh Phạm Kim Đ1 trình bày: Ngày 22/02/2017 âm lịch có cho anh M mượn số tiền 60.000.000 đồng, hẹn 3 - 4 tháng sau trả lại, có viết giấy mượn tiền ngày 22/02/2017. Chị T không có ký tên giấy mượn tiền. Đây là khoản nợ riêng của anh M.

Ngày 25/06/2017, anh M chết. Khoảng 01 tuần sau khi chôn cất anh M xong, anh Đ1 có nói với chị T (Vợ anh M) về khoản nợ trên. Chị T hứa khi nào bán xưởng xong sẽ trả một số nợ của anh M và nợ Ngân hàng rồi trả nợ cho anh Đ1. Anh M chết có để lại tài sản: Thửa đất số 147, diện tích 171,2m^2 và nhà xưởng tọa lạc tại Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T đã bán được 370.000.000 đồng; số tiền 15.000.000 đồng do chị T nhận của nhiều người trả nợ anh M. Tổng cộng là 385.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng anh M, nên xác định phần tài sản riêng của anh M là 192.500.000 đồng. Không thống nhất số tiền nợ mà bà Đ2, chị T khai đã trả nợ trên. Xin Hội đồng xét xử xem xét các khoản nợ mà bà Đ2, chị T khai vì số tiền trả nợ chưa hết số tiền bán tài sản của anh M. Do anh M chết nên yêu cầu người thừa kế của anh M là bà Đ2 và chị T có nghĩa vụ trả số tiền 60.000.000 đồng. Vì bà Đ2 là người nhận tài sản thừa kế của anh M nên yêu cầu bà Đ2 có nghĩa vụ trả số tiền trên một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu lãi.

Bị đơn – chị Bùi Thị Hồng T trình bày: Số tiền 60.000.000 đồng là do anh M mượn của anh Đ1 là nợ riêng của anh M. Chị T không biết, không ký và không viết tên trên giấy nhận nợ. Anh M chết có để lại tài sản gồm: Phần đất ở và nhà xưởng để kinh doanh cửa nhôm tại ấp Gò Me, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông. Sau khi anh M chết, chị T đã giao đất và nhà xưởng cho mẹ anh M là bà Cao Thị Đ2 bán để trả nợ cho anh M như sau: Trả nợ vay Ngân hàng Đông Á 42.000.000 đồng; Trả nợ tiền công thợ làm xưởng 27.000.000 đồng; Trả nợ vật tư làm nhà xưởng 7.000.000 đồng; Trả nợ tiền mua sắt nhôm để làm gia công gồm: Trả cửa hàng Th Tâm 24.000.000 đồng; Trả Công ty Phương Nguyễn 37.000.000 đồng; Trả Thuận Th 32.000.000 đồng; Trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Gò Công Đông số tiền hơn 90.000.000 đồng (do bà Đ2 trả). Ngoài ra sau khi anh M chết có nhiều người trả tiền cho anh M tổng cộng 15.000.000 đồng (Sổ nợ do bà Đ2 giữ). Chị T đã dùng số tiền 15.000.000 đồng để trả khoản nợ tiền hụi cho chị Phạm Thị Tr là 36.000.000 đồng nên còn lại 21.000.000 đồng lấy từ tiền bán đất và nhà xưởng để trả. Ngoài các khoản nợ trên anh M không còn nợ ai khác. Sau khi anh M chết, tài sản của anh M để lại đã được bà Đ2 bán để trả nợ cho anh M hết số tiền. Chị T không được thừa kế tài sản nào của anh M nên không đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Đ1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Cao Thị Đ2 trình bày: Thống nhất về số tài sản của anh M chết để lại như trình bày trên. Sau khi anh M chết, bà Đ2 đã bán đất và nhà xưởng được tổng cộng 370.000.000 đồng. Ngoài ra anh M còn để lại một số tiền do nhiều người nợ nhưng bà Đ2 đã đốt hết sổ nợ. Sau khi bán đất và nhà xưởng, bà Đ2 đã trả nợ cho anh M các khoản như: Trả bà U 15.000.000 đồng, trả bà Mới 15.000.000 đồng, trả chị Tr 60.000.000 đồng, trả ông Ba 4.000.000 đồng, trả Ngân hàng Nông nghiệp hơn 90.000.000 đồng và các khoản nợ như chị T trình bày. Tiền bán tài sản của anh M đã được trả nợ hết số tiền, nên không đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Đ1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 135/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào các Điều 463, 466, 612, 615 và 357 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Kim Đ1.

Buộc bà Cao Thị Đ2 có nghĩa vụ trả anh Phạm Kim Đ1 số tiền 6.289.000 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng). Thời gian thực hiện trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Đ1 về việc yêu cầu bà Đ2 trả số tiền 53.711.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Phạm Kim Đ1 cho đến khi thi hành án xong, tất cả khoản tiền, hàng tháng bà Cao Thị Đ2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn Phạm Kim Đ1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết buộc bà Cao Thị Đ2 có nghĩa vụ trả cho anh Đ1 số tiền 36.289.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu bà Đ2 phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 36.289.000 đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về thủ tục tố tụng và nội dung của bản án sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần di sản của anh M tương đương 192.500.000 đồng (50% của số tiền 385.000.000 đồng) là không chính xác, mà cần xác định di sản của anh M trị giá bằng tiền là 385.000.000 đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của anh Phạm Kim Đ1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa chính xác. Căn cứ đơn khởi kiện của anh Đ1 và chứng cứ thu thập có trong hồ sơ thể hiện, vào ngày 22/02/2017 âm lịch anh Cao Văn M (chồng của chị T) có mượn của anh Đ1 số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 25/6/2017 anh M chết, nên anh Đ1 khởi kiện yêu cầu người hưởng thừa kế di sản của anh M là chị Bùi Thị Hồng T và bà Cao Thị Đ2 phải trả số tiền 60.000.000 đồng. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự do người chết để lại".

[2] Về nội dung: Anh Cao Văn M và chị Bùi Thị Hồng T là vợ chồng, vào 22/02/2017 âm lịch anh Cao Văn M (chồng của chị T) có mượn của anh Đ1 số tiền 60.000.000 đồng , có viết biên nhận nợ và ký tên. Ngày 25/6/2017 anh M chết, không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của anh M là chị T (vợ) và bà Đ2 (mẹ ruột) , ngoài ra không còn người thừa kế nào khác. Di sản anh M để lại là phần đất thửa đất số 147, diện tích 171,2m^2 và nhà xưởng tọa lạc tại Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T đã bán được 370.000.000 đồng; số tiền 15.000.000 đồng do chị T nhận của nhiều người trả nợ anh M.

Sau khi anh M chết thì toàn bộ di sản do bà Đ2 thừa hưởng và bán để trả nợ cho nhiều người do anh M thiếu, nhưng không trả nợ cho anh Đ1 và phát sinh tranh chấp.

[3] Xét nội dung khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của anh Đ1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng. Tòa án sơ thẩm đã xác định anh M có nợ anh Đ1 số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Anh Đ1 chứng M bằng tờ biên nhận nợ và được chị T thừa nhận là chữ ký tên của anh M. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà Cao Thị Đ2 và chị Bùi Thị Hồng T là người thừa kế di sản của anh M, bà Đ2 và chị T thỏa thuận giao cho bà Đ2 hưởng toàn bộ di sản của anh M, nên bà Đ2 phải có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ do anh M chết để lại trong phần di sản của anh M theo qui định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với phần di sản anh M chết để lại trị giá bằng tiền là 385.000.000 đồng. Tòa án sơ thẩm đã xác định tại sản trên hình Th trong quá trình hôn nhân, nên xác định có 50% là di sản của anh M tương đương số tiền 192.500.000 đồng là không chính xác. Bởi lẽ, tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do bà Cao thị Đ2 (mẹ anh M) và chị Bùi Thị Hồng T (vợ anh M) (bU lục 143) đã xác định "*di sản chúng tôi được hưởng là: Một phần diện tích: 171,2m^2 trong đó đất ở nông thôn: 50m^2, đất trồng cây lâu năm: 121,2m^2 theo chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06081 do UBND huyện Gò Công Đông cấp ngày 17/7/2015, địa chỉ tọa lạc tại Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T. Nay chúng tôi thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của ông Cao văn M với nội dung như sau: Sau khi thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, chúng tôi đồng ý, tự nguyện sẽ nhường toàn bộ phần thừa kế mà chúng tôi để lại cho bà Cao Thị Đ2 (là mẹ ruột Cao Văn M)*". Tại phiên tòa phúc thẩm thì chị T không tranh chấp tài sản chung của vợ chồng mà tự nguyện giao cho bà Đ2 toàn quyền sở hữu phần di sản của anh M trị giá 385.000.000đồng, bà Đ2 có nghĩa vụ trả nợ cho anh M. Như vậy đã có cơ sở xác định di sản của anh M chết để lại trị giá bằng tiền là 385.000.000 đồng do bà Đ2 đang quản lý. Đã lần lượt trả nợ gồm:

+Trả nợ vay Ngân hàng Đông Á 40.664.388 đồng;

+Trả nợ tiền công thợ làm xưởng 27.000.000 đồng;

+Trả nợ vật tư làm nhà xưởng 7.000.000 đồng;

+Trả nợ tiền mua sắt nhôm để làm gia công gồm: Trả cửa hàng Th Tâm 24.000.000 đồng; Trả Công ty Phương Nguyễn 37.000.000 đồng; Trả Thuận Th 32.000.000 đồng;

+Trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Gò Công Đông số tiền 90.000.000 đồng (do bà Đ2 trả);

+Trả bà U 5.000.000 đồng;

+Trả chị Tr 60.000.000 đồng.

Tổng cộng 322.664.388 đồng. Như vậy so với số tiền di sản của anh M là 385.000.000 đồng thì còn thừa 62.335.612 đồng. Cho nên, tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ1 kháng cáo, khởi kiện yêu cầu bà Đ2 phải có nghĩa vụ trả 36.289.000 đồng là có căn cứ và có lợi cho bà Đ2 nên được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng buộc bà Đ2 phải có nghĩa vụ trả cho anh Đ1 số tiền 36.289.000 đồng.

[4] Về án phí : Bà cao Thị Đ2 sinh năm 1950 nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Do sửa án sơ thẩm nên anh Đ1 không phải chịu án phi dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[5] Xét lời đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đươc chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 615 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Kim Đ1, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 135/2018/DSSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tỉnh Tiền Giang;

- Buộc bà Cao Thị Đ2 phải có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Kim Đ1 số tiền 36.289.000 đồng, thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày anh Đ1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đ2 chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí: Bà Cao Thị Đ2 và anh Phạm Kim Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại anh Đ1 số tiền 1.800.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 45135 ngày 26/7/2017 (số tiền 1.500.000đồng) và biên lai thu tiền số 46037 ngày 11/12/2018 (số tiền 300.000đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 15 phU, ngày 05 tháng 4 năm 2019.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông, TG;
- CCTHADS huyện Gò Công Đông, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Đạt